

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VL
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/DS-ST

Ngày: 13 - 9 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VL, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phan Công Trí**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Phạm Văn Sáu**.

Ông **Đào Văn Vĩnh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Nhiều**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Hà Chí Công**, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện VL xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến (gồm 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (Địa chỉ: Ấp Xẻo Chích, thị trấn Châu Hưng, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu), với sự tham gia của Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng gồm bị đơn chị **Lê Thị U**; Điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu (Địa chỉ: Số 22, đường Bà Triệu, Phường 3, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu), với sự tham gia của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn bà **Nguyễn Thị D**. Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Hồ Huỳnh Tố H** và chị **Ngô Võ Khánh Đ**) vụ án dân sự thụ lý số 121/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐXX-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị D**, sinh ngày 01/01/1958.

Địa chỉ: ấp Trà Hắt, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Hồ Huỳnh Tố H**, sinh năm 1982 và chị **Ngô Võ Khánh Đ**, sinh năm 1999. Địa chỉ: Công ty Luật TNHH MTV Thái Sơn, Số 45H, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu (văn bản ủy quyền ngày 23/6/2022) (chị H có mặt, chị Đ vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **Lê Thị U**, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trà Hắt, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 6 năm 2022 và lời khai tại Tòa án, bà Nguyễn Thị D là nguyên đơn, do chị Hồ Huỳnh Tố H đại diện theo ủy quyền trình bày: Vào ngày 10/06/2020 âm lịch, chị Lê Thị U có hỏi vay 200.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị D, việc vay tiền có làm biên nhận, chị U có ký tên nhận tiền, có người làm chứng và Trưởng ấp Trà Hắt xác nhận, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng nhưng chị U chỉ thanh toán tiền lãi 1%/tháng, chị U đã thanh toán được 07 tháng tiền lãi từ tháng 07/2020 âm lịch đến 10 tháng 01 năm 2021 âm lịch được số tiền 14.000.0000 đồng, sau đó thì ngưng đóng lãi đến nay. Sau khi vay tiền chị U đã thanh toán được 60.000.000 đồng tiền vốn (trả nhiều lần trong năm 2020) và tiền lãi đến ngày 10/01/2021 âm lịch thì ngưng. Nay bà Nguyễn Thị D yêu cầu chị Lê Thị U có trách nhiệm thanh toán số tiền vốn là 140.000.000 đồng, tiền lãi từ tháng 3/2021 đến ngày 13/9/2022 dương lịch theo lãi suất nhà nước 1%/tháng với số tiền 26.226.000 đồng và lãi suất phát sinh 1%/tháng sau ngày 13/9/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ.

* Chị Lê Thị U là bị đơn trong vụ án trình bày: Ngày 10/06/2020 âm lịch, chị có hỏi vay 200.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị D, mục đích vay là hỏi vay dùm cho cháu chị nhưng chị thừa nhận số tiền vay này và đồng ý thanh toán cho bà D. Khi bà D đưa tiền thì chị đưa 180.000.000 đồng, bà D hỏi mượn lại 20.000.000 đồng để đủ 200.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Sau khi vay tiền khoảng 01 tháng sau bà D trả cho chị 15.000.000 đồng, còn nợ chị 5.000.000 đồng bà D trừ vào tiền lãi. Chị đóng lãi 3%/tháng đến tháng 09 năm 2020. Tháng 10 năm 2020, bà D đồng ý chuyển lãi thành 1%/tháng. Chị đóng lãi đến tháng 06 năm 2021 âm lịch thì ngưng đóng lãi. Chị đã trả cho bà D được 60.000.000 đồng tiền vốn. Hiện chị đồng ý có nợ bà Nguyễn Thị D số tiền vốn là 140.000.000 đồng, tiền lãi từ tháng 06/2021 âm lịch đến nay theo lãi suất 1%/tháng. Nay, chị chỉ đồng ý trả cho bà D tiền vay gốc là 140.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà D.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Tòa án thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 68, Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D đối với chị Lê Thị U về yêu cầu trả lại số tiền gốc, lãi và lãi suất từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ với mức lãi suất là 1%/tháng. Buộc chị Lê Thị U trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền gốc, lãi và lãi suất từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ với mức lãi suất là 1%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị D khởi kiện chị Lê Thị U yêu cầu thanh toán tiền vay là tranh chấp về Hợp đồng dân sự theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thời điểm khởi kiện, chị U cư trú tại ấp Trà Hắt, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Do

vậy, Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị Ngô Võ Khánh Đ, chị Lê Thị U có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ, chị U.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị D và chị Lê Thị U có ký kết hợp đồng vay tài sản là có thật, được bà D cung cấp Giấy biên nhận vay tiền có chữ viết và chữ ký của chị U, chị U thừa nhận (bút lục 01, 39-40), thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 30/7/2020 bà D cung cấp và sự thừa nhận của cả nguyên đơn và bị đơn, các bên đã ký kết hợp đồng vay 200.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay 01 năm (từ ngày 10/6/2020 âm lịch đến 10/6/2021 âm lịch). Đến thời điểm khởi kiện đã hơn 01 năm, nên bà D khởi kiện là có cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2022, chị Lê Thị U thừa nhận có vay của bà D số tiền 200.000.000 đồng, đã trả được 60.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền vay gốc 140.000.000 đồng (bút lục 39-40). Bà D thống nhất theo lời trình bày của chị U (bút lục 41). Xét sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định chị Lê Thị U còn nợ bà Nguyễn Thị D số tiền vay gốc là 140.000.000 đồng.

[2.4] Bà Nguyễn Thị D chỉ yêu cầu một mình chị Lê Thị U trả nợ. Chị U thống nhất và đồng ý đây là nợ riêng và một mình chị U có trách nhiệm trả nợ. Xét sự tự nguyện của các đương sự phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Từ sự phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D đòi chị Lê Thị U trả số tiền vay gốc 140.000.000 đồng là có cơ sở nên chấp nhận toàn bộ. Buộc chị Lê Thị U có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền vay gốc 140.000.000 đồng theo quy định Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu tính lãi suất:

[3.1] Mặc dù trong Giấy biên nhận vay tiền không ghi mức lãi suất, nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận thỏa thuận lãi suất 03%/tháng. Chị Lê Thị U cho rằng đã đóng lãi từ khi vay đến tháng 09/2020 âm lịch, từ sau tháng 09/2020 âm lịch đến tháng 06/2021 chị U đóng lãi với mức lãi suất 1%. Bà D trình bày, chị U chỉ đóng cho bà được số tiền 14.000.000 đồng, tương ứng với lãi suất 1% từ ngày vay đến ngày 10/01/2021 âm lịch. Chị U không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình, nên không có căn cứ chấp nhận, chỉ có cơ sở chấp nhận theo lời thừa nhận của nguyên đơn.

[3.2] Xét từ ngày vay (30/7/2020 dương lịch) đến tháng 02/2021 dương lịch là 07 tháng, lãi suất 3% đương sự thỏa thuận vượt quy định, vì vậy được điều chỉnh lại lãi suất đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 1,66%/tháng, chị U phải trả lãi cho bà D là 23.240.000 đồng. Tuy nhiên, bà D đã nhận 14.000.000 đồng, không yêu cầu chị U thanh toán số tiền còn lại. Xét sự tự nguyện này có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Ngày 10/8/2021, chị U trả bà D tiền vay gốc 30.000.000 đồng, ngày 10/12/2021, chị U tiếp tục trả bà D 30.000.000 đồng tiền vay gốc. Song, bà D yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay gốc 140.000.000 đồng từ sau tháng 02/2021 (ngày 01/3/2021) dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (13/9/2022) là 18 tháng 12 ngày, với mức lãi suất 1%/tháng. Xét sự tự nguyện này có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Mức lãi suất bà D yêu cầu chị U trả phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Từ đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu trả lãi của bà D đối với chị U. Cụ thể chị U phải trả lãi như sau:

- Thời gian 18 tháng 12 ngày x 140.000.000 đồng x 1%/tháng = 25.759.992 đồng.

Như vậy, chị U phải trả số tiền lãi từ ngày 01/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 25.759.992 đồng. Tuy nhiên, bà D lại yêu cầu chị U trả số tiền lãi 26.226.000 đồng. Cho nên, không chấp nhận một phần yêu cầu của bà D đòi chị U trả số tiền lãi 466.008 đồng.

[5] Từ ngày 14/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ, chị Lê Thị U còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (số tiền gốc 140.000.000 đồng) theo mức lãi suất 1%/tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

[6.1] Do yêu cầu khởi kiện của bà D đối với chị U được chấp nhận một phần, nên chị U phải chịu án phí đối với số tiền có trách nhiệm thanh toán 165.759.992 đồng x 5% = 8.287.999 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6.2] Bà D phải chịu 300.000 đồng. Do bà Nguyễn Thị D là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, nên bà D được miễn nộp toàn bộ án phí, theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Như đã phân tích, có căn cứ chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 470, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D đối với chị Lê Thị U về yêu cầu thanh toán tiền vay gốc còn nợ là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi là 25.759.992 đồng.

Buộc chị Lê Thị U có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền vay gốc còn nợ 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi là 25.759.992 đồng (Hai mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn chín trăm chín mươi hai đồng).

2. Kể từ ngày 14/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ, chị Lê Thị U còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (số tiền gốc 140.000.000 đồng) theo mức lãi suất 1%/tháng.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị D đòi chị Lê Thị U trả số tiền lãi 466.008 đồng (Bốn trăm sáu mươi sáu ngàn không trăm lẻ tám đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Chị Lê Thị U phải chịu số tiền 8.287.999 đồng (Tám triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm chín mươi chín đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

4.2. Bà Nguyễn Thị D được miễn nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (13/9/2022).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện VL, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện VL, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Lê Phan Công Trí